

VẤN ĐỀ THA HÓA VÀ GIẢI PHÓNG LAO ĐỘNG KHỎI SỰ THA HÓA TRONG TRIẾT HỌC MÁC

*ThS. Ngô Thị Huyền¹
ThS. Chung Thị Vân Anh²*

TÓM TẮT

Bàn về vấn đề con người, triết học Mác chỉ ra rằng, nhờ lao động, con người trở nên “văn minh” hơn với nghĩa là có điều kiện để bộc lộ năng lực đặc thù của mình. Tuy nhiên, xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm cho lao động bị tha hóa. Để khắc phục tình trạng ấy, Các Mác nêu lên quan niệm giải phóng người lao động khỏi sự tha hóa, đưa con người đi lên một xã hội mà ở đó sự tự do và phát triển toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự tự do và phát triển toàn diện của mọi người.

Trong bài viết này, tác giả xin trình bày khái quát: 1. Các điều kiện, tiền đề hình thành quan niệm về sự tha hóa và con đường giải phóng lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác; 2. Bản chất quan niệm triết học Mác về sự tha hóa – lao động bị tha hóa; 3. Nguyên nhân của lao động bị tha hóa và con đường giải phóng lao động khỏi sự tha hóa theo quan niệm của triết học Mác.

Từ khóa: Lao động, tha hóa, giải phóng khỏi tha hóa

1. Các điều kiện, tiền đề hình thành quan niệm giải phóng lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác

1.1. Về điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội hình thành quan niệm giải phóng lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác

Châu Âu vào những năm 40 của thế kỷ XIX, do sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp, lực lượng sản xuất phát triển rất mạnh mẽ đã làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được củng cố vững chắc.

Cuộc cách mạng công nghiệp ở nước Anh bắt đầu từ nửa sau thế kỷ XVIII đã đưa đến những chuyển biến quan trọng, căn bản trong sự phát triển của sức sản xuất và quan hệ sản xuất. Đến những năm 30 – 40 của thế kỷ XIX, nước Anh đã trở thành một trung

tâm công nghiệp của thế giới và đang bước vào giai đoạn công nghiệp hóa cao với nền sản xuất cơ khí. Chủ nghĩa tư bản Pháp cũng giành được nhiều thắng lợi đáng kể, đưa nước Pháp lên hàng đầu lục địa. Nhưng ở đây, thời gian bắt đầu cuộc cách mạng công nghiệp muộn hơn và tốc độ chuyển biến chậm hơn so với nước Anh. Nền công nghiệp Đức cũng phát triển rõ rệt, nhất là công nghiệp than và luyện kim ở vùng sông Ranh, công nghiệp bông sợi vùng Xiledi. Những trung tâm công nghiệp ra đời với những xí nghiệp chế tạo lớn. Một số nước khác như Hà Lan, Bắc Mỹ, Tiệp Khắc, Áo, Hungary, Ý... đều có những bước tiến rõ rệt trong kinh tế công nghiệp.

Cuộc cách mạng công nghiệp đã làm cho số công nhân ngày càng đông

¹ Trường Đại học KHXH & NV TP. Hồ Chí Minh

² Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu

đào hơn và tập trung hơn, nhưng nó lại không cải thiện đời sống cho họ. Tình cảnh sống của người công nhân thật tồi tệ và sa sút. Sản phẩm do lao động của công nhân tạo ra đã không thuộc về họ mà là thuộc về nhà tư bản. Từ đó và do đó, họ cảm thấy chán nản, nhục nhã khi lao động. Dần dần, mối quan hệ giữa con người với con người, nhất là giữa nhà tư bản và công nhân càng không còn khăng khít, nhưng cũng không thể thiếu nhau được. Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, người làm thuê và giai cấp tư sản, những ông chủ tư bản ngày càng sâu sắc. Công nhân đã đứng lên đấu tranh giành quyền sống, quyền làm chủ, làm người.

Qua quá trình đấu tranh, giai cấp công nhân dần dần có ý thức tổ chức hơn, đấu tranh trên quy mô rộng hơn, không chỉ đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế mà còn đòi những quyền lợi về chính trị, nhiều phong trào đấu tranh của công nhân đã mang tính chất khởi nghĩa vũ trang. Ở Anh, có phong trào Hiến chương mang tính chất chính trị và quần chúng rộng lớn, đòi hỏi pháp luật của Nhà nước phải bảo đảm các quyền lợi của giai cấp công nhân về tiền lương, giờ làm việc... Cùng phong trào Hiến chương nói trên ở nước Anh, ở Pháp có khởi nghĩa Lion năm 1831, cuộc khởi nghĩa Xiledi năm 1844 ở Đức...

Cuộc đấu tranh của công nhân trong các nước tư bản phát triển đã đặt ra một yêu cầu khách quan là phải có một vũ khí lí luận sắc bén, một học thuyết khoa học phản ánh chính xác hiện thực và quá trình vận động của

cuộc cách mạng vô sản. Các học thuyết xã hội chủ nghĩa trước đó của Xanh Ximông, Phuriê, Ôoen đã không phản ánh được lợi ích căn bản của cuộc đấu tranh giai cấp do giai cấp vô sản tiến hành. Triết học Mác nói chung và tư tưởng về giải phóng lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác đã đáp ứng được yêu cầu đó.

Như vậy, có thể nói rằng C. Mác đã xây dựng học thuyết triết học của mình xuất phát từ hiện thực xã hội lúc bấy giờ, từ đòi hỏi của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân. Nói cách khác, chính tình cảnh sống và lao động của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế - xã hội để C. Mác xây dựng nên học thuyết của mình, một học thuyết khoa học và cách mạng mà tư tưởng xuyên suốt học thuyết ấy là tư tưởng giải phóng con người, giải phóng lao động khỏi sự tha hóa, vạch ra con đường đưa giai cấp vô sản đến với cuộc sống tự do, ấm no và hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

1.2. Về tiền đề khoa học tự nhiên hình thành quan niệm giải phóng lao động khỏi sự tha hóa hóa trong triết học Mác

Có thể nói rằng tư tưởng giải phóng người lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác được xây dựng trên cơ sở kế thừa những thành tựu khoa học của nhân loại trong đó có những thành tựu về khoa học tự nhiên, nhất là khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX.

Trong sự phát triển của khoa học tự nhiên vào đầu thế kỷ XIX, phải nói đến ba phát minh lớn có ý nghĩa vạch

thời đại đối với sự hình thành triết học duy vật biện chứng là: Quy luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng; học thuyết tế bào; và thuyết tiến hóa của Đacuyn. Với quy luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng cho phép chúng ta thấy được mối liên hệ thống nhất giữa các hình thức vận động khác nhau của thế giới vật chất. Học thuyết tế bào chứng minh cho sự thống nhất, sự phát triển từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp của thế giới sinh vật. Và phát minh thứ ba là thuyết tiến hóa của Đacuyn giải thích tính chất biện chứng của sự phát triển phong phú, đa dạng của các giống loài trong thế giới tự nhiên hữu sinh.

Tư tưởng giải phóng người lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác nói riêng và hệ thống triết học của C.Mác – Ph.Ăngghen nói chung được hai ông xây dựng như một triết học phù hợp với sự phát triển của các khoa học cụ thể. Đồng thời, triết học của hai ông trở thành thế giới quan, phương pháp luận cho các khoa học cụ thể ấy. Nên tư tưởng giải phóng người lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác là kết quả của sự kế thừa những thành tựu của các khoa học cụ thể nói trên. Nói cách khác, đó là kết quả của sự suy tư mang tầm vóc đúc kết và khái quát lịch sử thời đại chứ không phải là sự suy tư cá nhân, cho dù Mác và Ăngghen là những thiên tài của lịch sử.

1.3. Về tiền đề lý luận hình thành quan niệm giải phóng lao động khỏi sự tha hóa trong triết học Mác

Một học thuyết triết học ra đời không chỉ là tinh hoa của thời đại mà còn là sản phẩm của sự kế thừa những thành tựu triết học trước nó. Học thuyết của Mác cũng vậy, nó đã kế thừa những hạt nhân hợp lý, những quan điểm đúng đắn trong triết học của Hêghen và Phoiơbắc. Khái niệm “tha hóa” đã được Hêghen và Phoiơbắc sử dụng, coi nó là phương pháp luận quan trọng trong việc xây dựng hệ thống lý luận của mình.

Đóng góp lớn nhất của Hêghen (1770 – 1830) coi sự ra đời của giới tự nhiên như là sự “tha hóa” của thế giới tinh thần, có trước, bên ngoài thế giới, gọi là “ý niệm tuyệt đối”. “Ý niệm tuyệt đối” tự thiết định bản thân nó và trong sự vận động biện chứng thì đạt tới sự phát triển đầy đủ ngay từ trước khi thế giới tự nhiên xuất hiện. Nó đã mang trong mình mọi sự quy định sau này, giống như cái mầm mang sẵn trong nó bản chất của cái cây, mùi vị và hình dáng của quả. Những biểu hiện đầu tiên của “ý niệm tuyệt đối” cũng mang trong nó toàn bộ lịch sử ở trạng thái tiềm năng. Sự phát triển biện chứng của “ý niệm tuyệt đối” khi đã đạt tới trạng thái đầy đủ thì “tha hóa” thành giới tự nhiên. Vì vậy, “tự nhiên chỉ là tồn tại khác của “ý niệm tuyệt đối”. Ở đây, “tha hóa” được hiểu là sự chuyển hóa sang dạng khác của cùng một bản chất, một giai đoạn tất yếu của quá trình phát triển. Hêghen giải thích rằng: “Ý niệm tuyệt đối” là một thực thể tinh thần, vì nó có tính ham hiểu biết, muốn biết mình nên đã “tha hóa” mình thành một tồn tại khác, nhưng cũng chính là mình. Con

người và xã hội loài người chỉ là sản phẩm của “ý niệm tuyệt đối”, do “ý niệm tuyệt đối” “tha hóa” thành. Khi con người phản ánh đầy đủ giới tự nhiên, cũng có nghĩa là “ý niệm tuyệt đối” đã tự nhận thức được đầy đủ bản thân nó.

Như vậy, Hêghen đã lấy “tinh thần tuyệt đối” thay “ý niệm tuyệt đối” làm cơ sở để giải thích các vấn đề của tự nhiên và xã hội. Con người là hiện thân của “ý niệm tuyệt đối”, hay là kết quả của “ý niệm tuyệt đối” mà thôi. Hoạt động nhận thức và cải tạo thế giới của con người là tồn tại khác của “tinh thần tuyệt đối”, hoạt động đó được coi như một thứ công cụ để “ý niệm tuyệt đối” nhận thức chính mình và trở về với bản thân mình. Hêghen cũng cho rằng, nét nổi bật nhất của quá trình phát triển của “ý niệm tuyệt đối” là sự tác động qua lại giữa con người và tự nhiên, hoạt động của con người được coi là phương thức để đạt đến “ý niệm tuyệt đối” hay “tinh thần tuyệt đối”.

Khác với Hêghen, Phoiobắc là đại biểu xuất sắc của triết học duy vật trước Mác. Triết học của ông có giá trị to lớn, trở thành một trong những tiền đề quan trọng cho việc hình thành triết học Mác sau này. Trong triết học Phoiobắc, khái niệm “tha hóa” giúp ông giải thích nguồn gốc, bản chất của tôn giáo cũng như chứng minh tính tất yếu của việc xóa bỏ tôn giáo. Theo ông, tôn giáo là sản phẩm tất yếu của tâm lý cá nhân và là bản tính vốn có của con người, là sự thể hiện căn bản bản chất tình cảm của con người. Tôn giáo thể hiện sự mềm

yếu, bất lực của con người với những vấn đề xã hội, là sự thể hiện bản chất của con người dưới hình thức thần bí. Ông cho rằng, tư tưởng và dụng ý của con người như thế nào thì chúa của con người như thế ấy, giá trị của chúa không vượt qua giá trị của con người. Ông đã hòa tan bản chất của tôn giáo vào bản chất của con người, ý thức của chúa là ý thức của con người, thánh thần của con người có trong tư tưởng và trái tim anh ta, thế giới của thánh thần không là cái gì khác mà chính là tồn tại của thế giới trần gian. Chúa là biểu tượng hoàn thiện bản chất của con người nên nó cần tồn tại chừng nào xã hội loài người còn tồn tại.

Như vậy, theo quan niệm của Phoiobắc thì chính con người bày đặt ra thần thánh bằng cách trừ tượng hóa bản chất con người của mình, rằng thần thánh cũng có bản chất của con người nên muốn giải phóng con người, cần phải xóa bỏ tôn giáo cũ, xây dựng tôn giáo mới, tôn giáo tình yêu mà đỉnh cao của nó là tình yêu nam nữ.

2. Bản chất quan niệm triết học Mác về lao động bị tha hóa

Trong quá trình sản xuất, công cụ lao động được cải tiến, những công cụ lao động bằng đá dần được thay thế bởi công cụ bằng đồng, bằng sắt... làm cho của cải xã hội ngày càng tăng và phong phú. Sự phân công lao động diễn ra ngày càng mạnh mẽ, những yếu tố đầu tiên của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng trong xã hội mới đã xuất hiện. Con người bước sang thời kỳ lịch sử có lối sống hoàn toàn khác. Con

người mất đi tình thống nhất ban đầu của mình mà lẽ ra nó phải được thể hiện, phát huy theo hướng vốn có của nó. Nghĩa là lẽ ra con người phải được bình đẳng với nhau thì giờ đây lại xuất hiện những giai cấp đối lập nhau, đối kháng nhau. Một thiểu số người đi chiếm đoạt tư liệu sản xuất của xã hội và thống trị xã hội. Còn đại bộ phận nhân dân lao động lại bị tước đoạt tư liệu sản xuất, giờ đây, họ phải phụ thuộc vào giai cấp có của, có quyền. Họ trở thành giai cấp bị thống trị.

Quan hệ xã hội đã thay đổi, mối quan hệ giữa người với người không còn như trước nữa, và lao động cũng không còn giữ nguyên bản chất tốt đẹp ban đầu. Lao động không còn là niềm kiêu hãnh của con người nữa. Lao động bị tha hóa. Tình trạng tha hóa đó thể hiện rõ nét nhất khi chủ nghĩa tư bản ra đời. Nhân tố quyết định toàn bộ mâu thuẫn của nó là sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Với tính cách là một cá nhân mang tính xã hội, con người phải thích ứng với một hệ thống quan hệ xã hội mới. Nhưng, đồng thời, những quan hệ xã hội ấy cũng đối lập với con người, xa lạ với con người dù con người đã tạo ra nó. Hoạt động của con người không mang lại mục đích như họ mong muốn. Tất cả những hiện tượng ấy diễn ra theo một quá trình gọi là sự tha hóa, mà bản chất của quá trình ấy là ở chỗ, con người mất đi khả năng kiểm soát, chi phối các điều kiện kinh tế - xã hội và chính trị của đời sống nữa.

Theo C.Mác, lao động bị tha hóa là lao động làm người lao động đánh

mất mình trong hoạt động người, nhưng lại tìm thấy mình trong hoạt động vật. Lao động là hoạt động cơ bản nhất để phân biệt người với các loài động vật khác. Nhờ lao động, cùng với ngôn ngữ, lao động làm cho tư duy của con người ngày càng phát triển, hình thành hệ thống các khái niệm, phạm trù, tạo điều kiện để con người nhận thức thế giới ngày càng sâu rộng hơn. Lao động là hoạt động người, song ở lao động bị tha hóa, nó đã là một cái gì đó bên ngoài người lao động. Giờ đây, hoạt động lao động của con người không còn để thỏa mãn nhu cầu lao động nữa, nó trở thành hoạt động nhằm duy trì sự sinh tồn của thể xác. Đó là lao động cưỡng bức. Trong lao động, họ thấy mình như là con vật. Họ chỉ có thể là “người” khi thực hiện những chức năng động vật như ăn uống hay sinh con đẻ cái mà thôi. Cái vốn có của súc vật đã trở thành cái có tính người, còn cái có tính người lại trở thành cái có tính súc vật. “Tính bị tha hóa của lao động biểu hiện rõ rệt nhất ở chỗ là một khi không còn sự cưỡng bức lao động về thể xác hoặc về mặt khác thì người ta trốn tránh lao động như trốn tránh bệnh dịch hạch vậy” [3, tr.133].

Lao động bị tha hóa là lao động làm đảo lộn các quan hệ của người lao động. Nếu trước kia, trong lao động, người lao động sử dụng tư liệu sản xuất thì giờ đây, họ phải phụ thuộc vào tư liệu sản xuất, là “tư liệu sản xuất sử dụng con người” [6, tr. 451]. Sản phẩm của công nhân làm ra – vật mà lao động được cố định – đối lập với anh ta như

một tồn tại xa lạ, một lực lượng khách quan, không phụ thuộc vào người sản xuất ra nó. C.Mác nhận định, đối tượng do lao động sản xuất ra, tức sản phẩm của lao động đối lập với lao động như một tồn tại xa lạ nào đó, như một lực lượng không phụ thuộc vào người sản xuất, sự thực hiện lao động, việc biến nó thành hiện thực, biểu hiện ra như việc gạt công nhân ra khỏi hiện thực, sự đối tượng hóa biểu hiện ra như sự bỏ mất đối tượng và sự bị nô dịch bởi đối tượng, sự chiếm hữu đối tượng biểu hiện ra như sự tha hóa, như sự tự tha hóa. Trong quá trình lao động, người lao động phải thực hiện quan hệ với người chủ sở hữu tư liệu sản xuất, đây là mối quan hệ giữa người với người. Nhưng họ quan hệ với người chủ thông qua số sản phẩm người chủ thu được và số tiền công người chủ trả cho họ, nên mối quan hệ giữa người với người, giờ đây, cũng bị tha hóa, trở thành quan hệ giữa con người với đồ vật.

Lao động bị tha hóa còn là lao động làm cho người lao động bị phát triển què quặt, phiến diện. Chủ tư bản đã sử dụng thành tựu của khoa học kỹ thuật vào sản xuất vì mục đích lợi nhuận. Khoa học kỹ thuật càng phát triển, máy móc thay thế người lao động càng nhiều; chuyên môn hóa lao động càng sâu sắc, số người bị máy móc thay thế càng lớn, những người lao động còn lại bắt đầu bước vào quá trình lao động thuần túy, thực hiện những thao tác mà dây chuyền sản xuất đã quy định. Nền sản xuất máy móc với mục tiêu lợi nhuận đã “ném một bộ phận công nhân

trở về với lao động dã man và biến một bộ phận công nhân thành những cái máy” [3, tr. 131].

Như vậy, nếu lao động, với tư cách là niềm kiêu hãnh của con người, thì trong xã hội có giai cấp nói chung và xã hội tư bản chủ nghĩa nói riêng, nó đã bị tha hóa. Lao động bị tha hóa làm cho sản phẩm do người lao động tạo ra trở thành cái xa lạ, đối lập, chi phối cuộc sống của họ; Sở dĩ, có tình trạng đó vì bản thân hoạt động lao động đã không còn biểu hiện bản chất sáng tạo của con người, không mang lại hạnh phúc cho người lao động mà đã trở thành lao động cưỡng bức, lao động phủ định bản chất con người; lao động bị tha hóa làm cho con người tha hóa khỏi con người, quan hệ giữa người với người cũng bị tha hóa, đời sống có tính loài và đời sống cá nhân cũng xa lạ với nhau. Sự tha hóa trong lao động, trong kinh tế là cơ sở của những hình thức tha hóa trong đời sống tinh thần của con người.

Những biểu hiện nói trên của lao động bị tha hóa được C.Mác phân tích từ những sự kiện kinh tế cụ thể, từ trong đời sống, trong quan hệ xã hội hiện thực của con người, từ hoạt động lao động sản xuất của con người. Đây chính là quan niệm duy vật về lịch sử xã hội, là cách đặt vấn đề mới của C.Mác về các hiện tượng xã hội và khắc phục các mâu thuẫn trong xã hội ấy, trong đó có tình trạng lao động bị tha hóa.

3. Nguyên nhân của lao động bị tha hóa và con đường giải phóng lao động khỏi sự tha hóa theo quan niệm của triết học Mác

3.1. Về nguyên nhân của lao động bị tha hóa theo quan điểm triết học Mác

Nếu các đại biểu triết học trước Mác cho rằng, sự xuất hiện của chế độ tư hữu là do bản tính tham lam, ích kỷ của con người thì C. Mác lại coi chế độ tư hữu được sinh ra do lao động bị tha hóa và khi chế độ tư hữu được xuất hiện đã làm cho lao động bị tha hóa, dưới những hình thức và ý nghĩa mới. Sự tha hóa đạt tới đỉnh điểm trong chủ nghĩa tư bản.

Sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa với chế độ sở hữu tư nhân tư liệu sản xuất đã tập trung cơ bản tư liệu sản xuất của xã hội vào tay một số nhà tư sản, một số tập đoàn tư bản làm tuyệt đại đa số người lao động trở thành vô sản. Nhu cầu sinh tồn đã buộc những người vô sản bán sức lao động cho nhà tư bản. Và từ đó, quá trình người bóc lột người theo phương thức tư bản chủ nghĩa đã diễn ra, đẩy tình trạng lao động bị tha hóa lên đến đỉnh cao của nó.

3.2. Về con đường giải phóng lao động khỏi sự tha hóa theo quan điểm triết học Mác

Trên lập trường duy vật triệt để, C.Mác cho rằng, không thể thực hiện được một sự giải phóng thực sự nào khác nếu không thực hiện sự giải phóng ấy trong thế giới hiện thực, bằng những phương tiện hiện thực. Sự giải phóng là một sự kiện lịch sử chứ không phải là một sự kiện tư tưởng. Nó nảy sinh từ những sự kiện lịch sử. Bởi vậy, để giải phóng khỏi sự tha hóa, cần phải xóa bỏ

trạng thái xã hội hiện đang tồn tại và thống trị con người.

Lấy hiện thực lịch sử làm điểm xuất phát để lý giải tình trạng lao động bị tha hóa, C. Mác đã hướng hoạt động xã hội của con người vào cuộc đấu tranh với hiện thực xã hội bất công vô nhân tính. Muốn giải phóng lao động khỏi sự tha hóa, trả lại cho con người bản chất “Người” của mình, phải xóa bỏ cơ sở tồn tại của nó, đó là chế độ tư hữu, trực tiếp là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Giải phóng con người khỏi sự tha hóa trong lao động là cơ sở để giải phóng con người khỏi sự tha hóa nói chung. Muốn đạt được điều đó, chỉ có nhận thức thôi thì chưa đủ, mà cần phải có hành động cộng sản chủ nghĩa hiện thực – nghĩa là – phải có cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản và quần chúng nhân dân lao động, đặt dưới sự lãnh đạo của một Đảng cộng sản chân chính. Đây là cuộc cách mạng khác về chất so với các cuộc cách mạng trước đó, bởi nó đưa đến việc thủ tiêu trước hết chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ sự thống trị của giai cấp tư sản, xác lập sự thống trị của giai cấp vô sản.

Quá trình xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa và do đó xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột nói chung, thiết lập một xã hội công bằng, tốt đẹp là một quá trình lâu dài, phức tạp. Nó không chỉ cần có sự phát triển cao của lực lượng sản xuất mà còn cần cả sự trưởng thành của con người. Sau khi xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản và nhân dân lao động bắt đầu xây dựng một xã hội mới

mà ở đó, sự tự do và phát triển toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự tự do và phát triển toàn diện của mọi người. Tuy nhiên, việc xây dựng đó sẽ gặp những khó khăn, phức tạp, có những bước thăng trầm, nhưng tất yếu sẽ thành công.

Như vậy, chính chế độ tư hữu là kết quả của lao động bị tha hóa, nhưng đến lượt nó lại là nguyên nhân đưa đến sự tha hóa trong lao động. Muốn giải phóng lao động khỏi sự tha hóa, phải xóa bỏ chế độ tư hữu – không phải là tư hữu nói chung – mà là chế độ tư hữu trên cơ sở đó làm cho lao động bị tha hóa. Sự nghiệp đó là của giai cấp vô sản và nhân dân lao động nói chung và phải thực hiện bằng những hành động cách mạng trong hiện thực.

4. Kết luận

Xuất phát từ tình cảnh sống và lao động của giai cấp công nhân, trên cơ sở tiếp thu có phê phán các học thuyết triết học trước đó về con người, về sự tha hóa nói chung, C.Mác đã nêu lên quan niệm duy vật về sự tha hóa. Đó là lao động bị tha hóa, đồng thời, ông đã chỉ ra con đường giải phóng lao động khỏi sự tha hóa.

Theo C.Mác, lao động bị tha hóa là lao động làm người lao động đánh

mất mình trong hoạt động người, nhưng lại tìm thấy mình trong hoạt động vật. Lao động bị tha hóa còn là lao động làm đảo lộn các quan hệ của người lao động, mối quan hệ giữa người với người, giờ đây, cũng bị tha hóa, trở thành quan hệ giữa con người với đồ vật. Lao động bị tha hóa còn biểu hiện ra là lao động làm cho người lao động bị phát triển què quặt, phiến diện.

Xuất phát từ hiện thực lịch sử cụ thể, C.Mác cho rằng, nguyên nhân của tình trạng lao động bị tha hóa là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Muốn giải phóng con người khỏi sự tha hóa trong lao động và sự tha hóa nói chung, phải tiến hành đấu tranh cách mạng. Lực lượng thực hiện cuộc cách mạng đó là giai cấp vô sản và nhân dân lao động nói chung, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản chân chính. Cách mạng là quá trình lâu dài. Nó không chỉ cần có sự phát triển cao của lực lượng sản xuất mà còn cần cả sự trưởng thành của con người, nhằm xây dựng một xã hội mới mà ở đó, sự tự do và phát triển toàn diện của mỗi người là điều kiện cho sự tự do và phát triển toàn diện của mọi người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn Chính - Đinh Ngọc Thạch (Đồng chủ biên), (2008), *Vấn đề triết học trong tác phẩm của C. Mác – Ph. Ăngghen, V.I.Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2. Bùi Bá Linh (2003), *Quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về con người và sự nghiệp giải phóng con người*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập, t. 42*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, t. 3*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

5. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, t. 4*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
6. C.Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, t. 23*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
7. Đinh Ngọc Thạch (1993), *Đại cương Lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

ALIENATION AND LIBERATING LABOUR FROM ALIENATION IN MARXIST PHILOSOPHY

ABSTRACT

On discussing human beings, Marxist philosophy points out that through labour, human beings become more “civilized”, which means human beings have opportunities to express their specific capabilities. However, the capitalist society has made labour alienated. To remedy that, Karl Marx introduced the concept of liberating labour from alienation, leading human beings towards a society where the liberty and comprehensive development of each human being is the condition for the liberty and comprehensive development of a society.

This article attempts to clarify the following core concepts: 1. Conditions for the formation of the alienation concept and the road of liberating labour from alienation in Marxist philosophy; 2. Nature of Marxist concept of alienation - alienated labour; 3. Causes of the alienated labour and the road of liberating labour from alienation according to Marxist philosophy.

Keywords: *Labour, alienation, liberating labour from alienation*